

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18/9/2024
V/v: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Mạnh Xuân Hải.
- *Hội thẩm nhân dân:* ông Nguyễn Xuân Tung và ông Trần Đức Liên.
- *Thư ký phiên tòa:* bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên tòa:* bà Lê Thị Minh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2024/QĐST-TA ngày 26/8/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1990; nơi ĐKNKTT: tổ dân phố H, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: thôn S, xã Nh, huyện K, tỉnh Hà Nam.

- *Bị đơn:* anh **Trần Trí Th**, sinh năm 1984; địa chỉ: tổ dân phố H, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th vắng mặt và có Đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Trần Trí Th vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Trí Th trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã D, huyện D (nay là UBND phường D, thị xã D), tỉnh Hà Nam tổ chức đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xô xát nhau, nên vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th.

Tại bản tự khai ngày 23/7/2024, bị đơn anh Trần Trí Th trình bày: Anh xác nhận thời gian, điều kiện thủ tục kết hôn giữa anh và chị Th như chị Th đã trình bày với Tòa án. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do chị Th thấy cuộc sống với gia đình anh quá khổ nên nhiều lần bỏ đi, mặc dù anh và mọi người trong gia đình khuyên nhủ nhưng chị Th không nghe, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2023 đến nay. Nay chị Th xin ly hôn anh không đồng ý, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung: Cả chị Th và anh Th cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 06/01/2009 và cháu Trần Thị Trà M, sinh ngày 04/11/2010. Hiện tại cả hai con chung của vợ chồng đang ở với anh Th. Khi ly hôn, quan điểm của anh Th xin được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Quan điểm của chị Th xin được nuôi cháu M, để anh Th nuôi cháu Tuấn A và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 01/8/2024, chị Th có quan điểm đồng ý để anh Th nuôi cả 02 con chung của vợ chồng và chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Th mỗi tháng 2.000.000 đồng cho cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được.

Về tài sản chung; công sức; công nợ của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 107; 110; 116; 117 Luật HN&GD; Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Trí Th; về con chung: Giao anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn A và cháu Trần Thị Trà M cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập được. Chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Th mỗi tháng 2.000.000 đồng cho cả hai cháu, kể từ tháng 9/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được; Về tài sản chung, công sức và công nợ: không đặt ra xem xét; Về án phí: chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th vắng mặt và có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn anh Trần Trí Th vắng mặt lần 02 không có lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Trí Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã D, huyện D (nay là UBND phường D, thị xã D), tỉnh Hà Nam tổ chức đăng ký kết hôn vào ngày 03/3/2008.

[3] Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Th, anh Th chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống dẫn đến việc giữa vợ chồng xảy ra việc mâu thuẫn cả hai đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, quan điểm của chị Th xin được ly hôn; quan điểm của anh Th không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, song khi Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải anh Th vắng mặt không có lý do. Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án anh Th cũng không có biện pháp nào thuyết phục chị Th rút đơn về đoàn tụ.

Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Th và anh Th đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và cho dù giữ nguyên tình trạng sống ly thân như hiện nay của vợ chồng cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th đối với anh Trần Trí Th là phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Cả chị Th và anh Th cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 06/01/2009 và cháu Trần Thị Trà M, sinh ngày 04/11/2010. Xét quan điểm của chị Th và anh Th thấy rằng hiện tại cả hai con chung của vợ chồng là cháu Tuấn A và cháu M đang ở với anh Th và có cuộc sống ổn định. Vì vậy, HĐXX giao các cháu Trần Tuấn A và cháu Trần Thị Trà M cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh Th mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi cháu 1.000.000 đồng). Chị Th, anh Th và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc chăm sóc, giáo dục con chung. Về cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với hoàn cảnh thực tế và quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: Do các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 107; 110; 116; 117 Luật hôn nhân và gia

định; Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Trí Th.

2. Về con chung: Giao anh Trần Trí Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Tuấn A, sinh ngày 06/01/2009 và cháu Trần Thị Trà M, sinh ngày 04/11/2010 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Chị Th có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh Th mỗi tháng 2.000.000 đồng cho cả hai cháu (mỗi cháu 1.000.000 đồng), kể từ tháng 9/2024 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Chị Th được quyền thăm hỏi, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Anh Th và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Th trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công sức và công nợ của vợ chồng: Không đặt ra xem xét.

4. Về án phí:

- *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Th phải chịu 300.000 đồng

- *Án phí cấp dưỡng nuôi con*: chị Th phải nộp 300.000 đồng.

Chị Th được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0001132 ngày 17/6/2024 tại Chi cục Thi hành án thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Hà Nam.
- VKSND thị xã Duy Tiên.
- THADS thị xã Duy Tiên.
- UBND phường D;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải

